

TRƯỜNG TIỂU HỌC SỐ 2 XÃ MƯỜNG PƠN

ST T		Họ Và Tên		Mức 6000		6757		Mức 6100										Thâm niên		Tổng lương		Nghỉ hưởng BHXH			Các khoản thu			Tổng lĩnh
				Hệ số	Số tiền	Hệ số	Số tiền	Chức vụ		Khu vực	Phụ cấp khác		Vượt khung		Pc ưu đãi 70%	Độc lập số tiền	Biên giới	%	Số tiền	Số ngày	Số tiền	1% BHYT	1,5% BHYT	8%BHXH				
								Hệ số	Số tiền		Hệ số	Số tiền	Hệ số	Số tiền											Hệ số	Số tiền		
1		Mạc Thị Sâm	5,02	9.036.000			0,40	720.000	900.000				-	6.829.200		2.926.800	25%	2.439.000	22.851.000			121.950	182.925	975.600	21.570.525			
2		Vũ Khánh Huyền	4,34	7.812.000			0,30	540.000	900.000				-	5.846.400		2.505.600	23%	1.920.960	19.524.960			102.730	154.094	821.837	18.446.299			
3		Lò Văn Chung	5,36	9.648.000			0,20	360.000	900.000				-	7.005.600		3.002.400	27%	2.702.160	23.618.160			127.102	190.652	1.016.813	22.283.593			
4		Lương Thị Hạnh	4,68	8.424.000				-	900.000				-	5.896.800		2.527.200	23%	1.937.520	19.685.520			103.615	155.423	828.922	18.597.560			
5		Nguyễn Duy Thụy	4,34	7.812.000				-	900.000				-	5.468.400		2.343.600	24%	1.874.880	18.398.880			96.869	145.303	774.950	17.381.758			
6		Lò Văn Phong	4,00	7.200.000				-	900.000					5.040.000		2.160.000	20%	1.440.000	16.740.000			86.400	129.600	691.200	15.832.800			
7		Lò Văn Dương	4,00	7.200.000				-	900.000					5.040.000		2.160.000	13%	936.000	16.236.000			81.360	122.040	650.880	15.381.720			
8		Trần Thị Hải	3,26	5.868.000				-	900.000				-	4.107.600		1.760.400	13%	762.840	13.398.840			66.308	99.463	530.467	12.702.602			
9		Lò Văn Hùng	3,34	6.012.000			0,15	270.000	900.000				-	4.397.400		1.884.600	11%	691.020	14.155.020			69.730	104.595	557.842	13.422.853			
10		Nguyễn T Khánh	4,89	8.802.000				-	900.000			0,29	528.120	6.531.084		2.799.036	32%	2.985.638	22.545.878			123.158	184.736	985.261	21.252.724			
11		Lò Thị Nhung	4,58	8.244.000				-	900.000				-	5.770.800		2.473.200	25%	2.061.000	19.449.000			103.050	154.575	824.400	18.366.975			
12		Nguyễn T Nhân	4,68	8.424.000				-	900.000				-	5.896.800		2.527.200	23%	1.937.520	19.685.520			103.615	155.423	828.922	18.597.560			
13		Trần Thị Loan	3,66	6.588.000				-	900.000					4.611.600		1.976.400	12%	790.560	14.866.560			73.786	110.678	590.285	14.091.811			
14		Quảng Văn Tân	3,66	6.588.000				-	900.000					4.611.600		1.976.400	12%	790.560	14.866.560			73.786	110.678	590.285	14.091.811			
15		Lương Thị Hiền	3,33	5.994.000			0,15	270.000	900.000					4.384.800		1.879.200	11%	689.040	14.117.040			69.530	104.296	556.243	13.386.971			
16		Đỗ Quý Bộ	3,33	5.994.000				-	900.000				-	4.195.800		1.798.200	13%	779.220	13.667.220			67.732	101.598	541.858	12.956.032			
17		Lò T. Thu Hiền	3,34	6.012.000				-	900.000			0,20	360.000	4.208.400		1.803.600	11%	661.320	13.945.320			66.733	100.100	533.866	13.244.621			
18		Vũ Thị Chi	3,33	5.994.000				-	900.000				0	4.195.800		1.798.200	9%	539.460	13.427.460			65.335	98.002	522.677	12.741.447			
19		Quảng Thị Hương	2,34	4.212.000			0,2	360.000	900.000					3.200.400		1.371.600	6%	274.320	10.318.320			48.463	72.695	387.706	9.809.456			
20		Quảng Thị Chinh		-				-						-		0			-			0	0	0	0			
21		Lò Thị Hương		-				-					0			0			-			0	0	0	0			
		Cộng	75,48	135.864.000			1,4	2.520.000	17.100.000	0,20	360.000	0,3	528.120	97.238.484	#	41.673.636	333%	26.213.018	321.497.258	0	-	1.651.251	2.476.877	13.210.011	304.159.119			
22		Là Văn Quyết		-	2,04	3.039.600			745.000							911.880			5.441.480			54.415	81.622	435.318	4.870.125			
		Tổng cộng	75,48	135.864.000	2,04	3.039.600	1,4	2.520.000	17.845.000	0,20	360.000	0,3	528.120	97.238.484	#	42.585.516	333%	26.213.018	326.938.738	0	-	1.705.666	2.558.499	13.645.329	309.029.243			

Lò Thị Hương Lương thai sản từ ngày 01/05/2024 đến hết ngày 31/10/2024

Quảng Thị Chinh Lương thai sản từ ngày 01/09/2024 đến hết ngày 28/02/2025

KẾ TOÁN

[Signature]



BẢNG THANH TOÁN PHỤ CẤP LÂU NĂM ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC
CÔNG TÁC Ở VÙNG CỎ ĐIỀU KIỆN KT-XH ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN (THEO NGHỊ ĐỊNH 116/2010/NĐ - CP)

THÁNG 10/2024

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm điều động tiếp nhận công tác tại vùng đặc biệt KK	Thời gian tính hưởng phụ cấp lâu năm tăng dần	Thời gian tính hưởng phụ cấp lâu năm tăng dần	Hệ số PC được hưởng	Lương tối thiểu	Tổng cộng	Số tháng hưởng	Số tiền	Ghi chú
1	Mạc Thị Sâm		17 năm 9 tháng	17 năm 10 tháng	1,0	1.800.000	1.800.000	1	1.800.000	
2	Vũ Khánh Huyền		18 năm 10 tháng	18 năm 11 tháng	1,0	1.800.000	1.800.000	1	1.800.000	
3	Lò Văn Chung		20 năm 0 tháng	20 năm 01 tháng	1,0	1.800.000	1.800.000	1	1.800.000	
4	Lương Thị Hạnh		15 năm 01 tháng	15 năm 02 tháng	1,0	1.800.000	1.800.000	1	1.800.000	
5	Nguyễn Duy Thụy		24 năm 9 tháng	24 năm 10 tháng	1,0	1.800.000	1.800.000	1	1.800.000	
6	Lò Văn Phong		19 năm 0 tháng	19 năm 01 tháng	1,0	1.800.000	1.800.000	1	1.800.000	
7	Lò Văn Dũng		14 năm 11 tháng	15 năm 0 tháng	1,0	1.800.000	1.800.000	1	1.800.000	
8	Trần Thị Hải		13 năm 5 tháng	13 năm 6 tháng	0,7	1.800.000	1.260.000	1	1.260.000	
9	Lò Văn Hùng		12 năm 5 tháng	12 năm 6 tháng	0,7	1.800.000	1.260.000	1	1.260.000	
10	Nguyễn Thị Khánh		6 năm 11 tháng	7 năm 0 tháng	0,5	1.800.000	900.000	1	900.000	
11	Lò Thị Nhung		6 năm 11 tháng	7 năm 0 tháng	0,5	1.800.000	900.000	1	900.000	
12	Nguyễn Thị Nhuận		6 năm 8 tháng	6 năm 9 tháng	0,5	1.800.000	900.000	1	900.000	
13	Trần Thị Loan		9 năm 10 tháng	9 năm 11 tháng	0,5	1.800.000	900.000	1	900.000	
14	Quàng Văn Tân		13 năm 0 tháng	13 năm 01 tháng	0,7	1.800.000	1.260.000	1	1.260.000	
15	Lương Thị Hiền		12 năm 02 tháng	12 năm 03 tháng	0,7	1.800.000	1.260.000	1	1.260.000	
16	Đỗ Quý Bộ		10 năm 5 tháng	10 năm 6 tháng	0,7	1.800.000	1.260.000	1	1.260.000	
17	Lò Thị Thu Hiền		10 năm 5 tháng	10 năm 6 tháng	0,7	1.800.000	1.260.000	1	1.260.000	
18	Vì Thị Chi		8 năm 10 tháng	8 năm 11 tháng	0,5	1.800.000	900.000	1	900.000	
19	Quàng Thị Hương		6 năm 11 tháng	7 năm 0 tháng	0,5	1.800.000	900.000	1	900.000	
	Cộng				14,2	34.200.000	25.560.000	19	25.560.000	

Kế toán

Hiệu trưởng



Mạc Thị Sâm